

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

-----o0o-----

NGUYỄN THÀNH LONG

**PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG THEO CHUỖI GIÁ TRỊ  
CHO SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

**Hà Nội - 2019**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn**

**Phản biện 1:**

**Phản biện 2:**

**Phản biện 3:**



## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Quảng Ninh là tỉnh thuộc vùng Đông Bắc của tổ quốc tiếp giáp Biển Đông nên có nhiều lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, có hệ thống ao hồ cũng như mặt nước biển lớn, có nhiều cửa khẩu và cảng biển, kết nối vùng miền... thuận tiện cho việc sản xuất, kinh doanh chế biến thủy hải sản, được Đảng và Nhà nước ưu tiên phát triển tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc. Trong bối cảnh đó, tác nhân chính là nguồn vốn để phát triển tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị đòi hỏi cần rất lớn, trong khi năng lực tài chính của các DN sản xuất, kinh doanh thủy sản, nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là rất hạn chế, hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn vốn vay.

Tuy nhiên Sau một thời triển khai thí điểm ở một số địa phương tín dụng theo mô hình liên kết trong chuỗi sản xuất, kinh doanh thủy sản của các tổ chức tín dụng, đến nay mô hình cho vay này được ghi nhận là còn tồn tại một số vướng mắc: doanh số cho vay cho tín dụng theo chuỗi giá trị ngành nông nghiệp triển khai vẫn còn hạn chế, số tiền cho vay còn rất nhỏ so với nhu cầu thực sự của các hộ nông dân, HTX, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dao động từ 0,18% đến 0,78% trong giai đoạn 2014 – tháng 8/2018, mức độ “mặn mà” của các NHTM còn rất hạn chế. Đồng thời, các giải pháp tín dụng hiện hành mang hình thức hỗ trợ hơn là hướng đến sự phát triển bền vững cho tín dụng theo chuỗi giá trị ngành thủy sản. Do đó, nghiên cứu khoa học về thực trạng phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản để tìm ra cách triển khai hiệu quả là hết sức cần thiết để thực hiện các mục tiêu mà nhà nước đã đề ra đảm bảo lợi ích cho các bên tham gia chuỗi giá trị mà nhà nước đóng vai trò quan trọng để có thể triển khai thành công chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh thủy sản. Chính vì lẽ đó việc phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản là rất cần thiết nên tôi dự định chọn đề tài nghiên cứu ***“Phát triển Tín dụng theo chuỗi giá trị cho sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”*** làm đề tài nghiên cứu trong quá trình thực hiện luận án. Dophạmvinghiên cứu phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản rộng, nghiên cứu sinh chọn một số mặt hàng thủy sản chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, để thực hiện nghiên cứu và lựa chọn hình thức *cho vay* trong nghiệp vụ Tín dụng ngân hàng làm tác nhân cung cấp nguồn vốn cho chuỗi giá trị trong mô hình nghiên cứu nêu trên.

### 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

- Mục đích nghiên cứu của luận án: Nghiên cứu và đề xuất mô hình, chính sách và các giải pháp phát triển tín dụng bền vững, an toàn cho mô hình liên kết trong chuỗi giá trị về sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Với mục đích như vậy, luận án có các các nhiệm vụ sau:

+ Hệ thống hoá và làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản Việt Nam nói chung và sản xuất, kinh doanh thủy sản Quảng Ninh nói riêng. Cơ sở pháp lý trong các khâu và các nhà liên kết trong mô hình chuỗi sản xuất, kinh doanh thủy sản.

+ Mô hình tín dụng theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản: cơ sở pháp lý và các bước triển khai.

+ Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển Tín dụng theo chuỗi ngành nuôi trồng chế biến thủy sản tại một số địa phương của nước ta ở một số ngân hàng Việt Nam làm rõ những thành công và hạn chế của việc hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp thủy sản.

+ Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo phương thức cho vay truyền thống, làm rõ những thành công, hạn chế của phương thức cho vay trên đồng thời tổng hợp những nhược điểm của phương thức cho vay truyền thống, cho vay theo chuỗi đã triển khai ở địa phương khác để từ đó rút ra bài học có thể áp dụng mô hình này vào địa phương Quảng Ninh.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

- Đối tượng nghiên cứu của luận án là hoạt động phát triển tín dụng cho toàn bộ chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản. Tín dụng ngân hàng có nhiều nghiệp vụ khác nhau, bao gồm: cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán, chiết khấu, cho thuê tài chính... Trong luận án này, đối tượng chính mà tác giả nghiên cứu là những vấn đề lý luận, thực tiễn triển khai và các nhân tố ảnh hưởng đến triển khai nghiệp vụ *cho vay* theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản tại một số NHTM trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Nghiên cứu hoạt động phát triển tín dụng truyền thống bởi một số NHTM nhà nước cho sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn Quảng Ninh để từ đó thí điểm áp dụng Nghiên cứu hoạt động phát triển tín dụng bởi một số NHTM nhà nước cho các khâu trong sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị của một số mặt hàng thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

+ Về thời gian: giai đoạn 2014 – 2018.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu:**

##### **4.1. Phương pháp luận nghiên cứu:**

###### *4.1.1. Triết lý nghiên cứu:*

Trong luận án này, triết lý nghiên cứu của nghiên cứu sinh là triết lý cân bằng giữa diễn giải và thực chứng, cụ thể: mô hình lý thuyết được xây dựng dựa trên tổng quan nghiên cứu, đặt giả thuyết nghiên cứu; trên cơ sở điều tra thực tế, nghiên cứu sinh thực hiện kiểm định giả thuyết đề ra. Từ đó, nghiên cứu sinh thực hiện phát triển các kết luận mới dựa trên kết quả nghiên cứu.

###### *4.1.2. Cách tiếp cận nghiên cứu:*

Có ba phương pháp tiếp cận nghiên cứu khác nhau, bao gồm: (1) suy luận diễn giải; (2) quy nạp; (3) kết hợp (Robson, 2002).

Phương pháp suy luận liên quan đến thực chứng suy luận logic và được áp dụng trong khoa học tự nhiên; nghiên cứu quy nạp thường liên quan đến giải thích và phổ biến trong khoa học xã hội (Saunders và cộng sự, 2009). Phương pháp diễn giải liên quan đến sự phát triển của một lý thuyết và kiểm chứng chặt chẽ, bắt đầu từ việc phát triển các định luật lý thuyết đến giải thích căn bản, cho phép dự đoán trước sự vật, hiện tượng (Collis và Hussey, 2003). Phương pháp quy nạp là rút ra kết luận từ một hoặc một vài thực tế với bằng chứng rõ ràng (Saunders và cộng sự, 2009).

- Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lê nin.

- Những văn kiện, chính sách có liên quan của Đảng, Chính phủ và của các cấp trong ngành ngân hàng, ngành thủy sản.

- Những tài liệu lý luận cơ bản liên quan đến luận án.

- Những công trình nghiên cứu các vấn đề trực tiếp liên quan đến luận án (tài liệu chuyên khảo, luận văn, bài báo đăng trong các loại tạp chí...vv).

###### *4.1.3. Chiến lược nghiên cứu:* chiến lược nghiên cứu của luận án như sau:

- *Kế thừa phương pháp nghiên cứu từ các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan đến luận án.*

Phương pháp này bao hàm sự kết hợp của thu thập, tổng hợp, phân tích và đánh giá các nghiên cứu/tài liệu trong và ngoài nước trước đây có liên quan đến nội dung của luận án.

Sau đó, tác giả kế thừa có chọn lọc những nghiên cứu/tài liệu để thực hiện luận án này. Trên cơ sở đó, tác giả phân tích, tổng hợp, so sánh đối chiếu, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

#### *Phương pháp thu thập dữ liệu*

##### *- Thu thập dữ liệu thứ cấp:*

Luận án khai thác các nguồn dữ liệu thứ cấp: báo cáo liên quan đến tín dụng ngân hàng theo chuỗi giá trị đối với ngành thủy sản Việt Nam từ năm 2014 đến năm 2018 của các NHTM và NHNN; dữ liệu kinh tế vĩ mô từ Tổng cục Thống kê, Bộ NN&PTNT, Bộ KH&CN; dữ liệu nuôi trồng, đánh bắt từ Hiệp hội Thủy sản Việt Nam.

Trong thu thập dữ liệu thứ cấp liên quan đến địa bàn Quảng Ninh: tác giả căn cứ trên các số liệu trong các báo cáo thường niên của các cơ quan quản lý chuyên môn liên quan đến việc phát triển nuôi trồng chế biến thủy sản từ năm 2014-2018 và báo cáo của các tổ chức tín dụng đã và đang đầu tư nguồn vốn tín dụng cho ngành thủy sản tỉnh Quảng Ninh cũng trong thời điểm nói trên.

##### *- Thu thập dữ liệu sơ cấp:*

Để có đánh giá khách quan và có đề xuất các giải pháp khả thi trước khi áp dụng mô hình cho vay mới tại Quảng Ninh, tác giả luận án còn sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát và phương pháp phỏng vấn chuyên gia.

#### ● *Thiết kế nghiên cứu*

##### *- Xây dựng bảng hỏi:*

- *Mục đích nghiên cứu:* đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai tín dụng theo chuỗi giá trị ngành thủy sản.

- *Đối tượng khảo sát và phương pháp khảo sát:* đối tượng khảo sát là cán bộ, lãnh đạo, chuyên gia, doanh nghiệp và người dân trong vấn đề cho vay truyền thống ngành thủy sản Quảng Ninh và mô hình thí điểm liên kết thủy sản dự định triển khai có liên quan đến công tác quản lý cho vay tại các Ngân hàng phát triển Việt Nam, ngân hàng công thương Việt Nam, Ngân hàng NN & PT nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng chính sách xã hội.... Phương pháp sử dụng bảng hỏi tuy mất thời gian, tốn kém chi phí nhưng có thể làm cơ sở để đánh giá và nhận định tình hình một cách khách quan hơn. Các câu hỏi trong phiếu điều tra của đề tài xoay quanh các vấn đề về vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến việc nâng cao hiệu quả kinh tế khi áp dụng hình thức cho vay theo chuỗi liên kết thủy sản và hạn chế thấp



nhất các vấn đề rủi ro trong mô hình này. Do sự hạn chế về thời gian, trong luận án này, tác giả chỉ tập trung khảo sát tại địa phương có diện tích nuôi trồng thủy sản lớn trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018.

Xác định mẫu và thu thập dữ liệu trên địa bàn Quảng Ninh gồm bảng hỏi điều tra, khảo sát liên quan đến vấn đề tín dụng truyền thống, mặt được, mặt hạn chế từ đó dữ liệu làm căn cứ để làm thước đo cho mô hình tín dụng theo chuỗi giá trị thủy sản Quảng Ninh.

**Bảng 1: Phân bố phiếu khảo sát theo địa bàn**

*Dvt: số phiếu hỏi*

| Tiêu chí                        | Móng Cái | Đầm Hà | Vân Đồn | Quảng Yên | Tổng cộng |
|---------------------------------|----------|--------|---------|-----------|-----------|
| Số phiếu khảo sát phát ra       | 90       | 80     | 80      | 50        | 300       |
| Số phiếu khảo sát hợp lệ thu về | 60       | 50     | 60      | 30        | 200       |

*Nguồn: tác giả xử lý*

Quá trình điều tra, khảo sát tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, tác giả thực hiện qua bảng hỏi thứ hai về công tác tín dụng truyền thống tại các ngân hàng quốc doanh thực hiện cho vay cho các địa phương tại địa bàn tỉnh. Để đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng truyền thống và hoàn thiện khung lý thuyết. Tác giả tổng hợp và lấy dữ liệu theo phương pháp số đồng.

**Bảng 2: Phân bố phiếu khảo sát theo ngân hàng**

*Dvt: số phiếu hỏi*

| Tiêu chí                        | Agribank | BIDV | Vietcombank | Vietinbank | Tổng cộng |
|---------------------------------|----------|------|-------------|------------|-----------|
| Số phiếu khảo sát phát ra       | 100      | 80   | 60          | 60         | 300       |
| Số phiếu khảo sát hợp lệ thu về | 80       | 40   | 40          | 40         | 200       |

*Nguồn: tác giả xử lý*

#### 4.2.2. Kết quả sau điều tra, khảo sát:

- Để đánh giá mức độ “Đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng”, tác giả sử dụng các tiêu chí là: quy mô tín dụng, cơ cấu sản phẩm, dư nợ cho vay. Đây là 3 tiêu chí thể hiện nhu cầu vay vốn của khách hàng đối với sản phẩm ngân hàng.

- Để đánh giá mức độ “giảm thiểu rủi ro tín dụng thông qua giám sát dòng tiền và hoạt động của chuỗi giá trị”, tác giả sử dụng tiêu chí nợ xấu. Đây là kết quả của rủi ro tín dụng. Nợ xấu là khoản tiền mà ngân hàng cho khách hàng vay nhưng không thể thu hồi do khách hàng không có khả năng trả nợ.

### 5. Dự kiến đóng góp của luận án:

Giải quyết các câu hỏi nghiên cứu:

- Cơ sở lý luận về tín dụng ngân hàng theo chuỗi giá trị nông nghiệp là gì?

- Những nhân tố nào tác động đến triển khai tín dụng theo chuỗi giá trị ngành thủy sản tại các NHTM nước ta?

- Đánh giá, kiểm định thực trạng triển khai tín dụng theo chuỗi giá trị ngành thủy sản Việt Nam của một số địa phương đã áp dụng tại các NHTM?

- Giải pháp nào để phát triển tín dụng ngân hàng theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn Quảng Ninh trong thời gian tới tại các NHTM là gì?

Từ đó có thể trả lời dựa trên luận cứ khoa học chặt chẽ theo các dữ liệu thực tế mà tác giả thu thập được. Như vậy các đóng góp mới khả thi để có thể áp dụng vào thực tế, những đóng góp đó là:

- Hệ thống hoá và làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động cho vay của các ngân hàng theo mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh trong ngành thủy sản.

- Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển tín dụng, quản lý nguồn vốn cho vay hiệu quả của các NHTM ở một số địa phương và rút ra bài học cho tỉnh Quảng Ninh.

- Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển tín dụng theo mô hình truyền thống bởi một số NHTM cho lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thủy sản ở Quảng Ninh, làm rõ những thành công và những tồn tại, bất cập cùng nguyên nhân của nó.

- Đề xuất các quan điểm, giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động phát triển tín dụng theo mô hình chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tại các NHTM thời gian tới, đảm bảo linh hoạt và hỗ trợ tích cực các Doanh nghiệp nuôi trồng chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

# CHƯƠNG I

## TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ NGHIÊN CỨU

### 1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến phát triển lĩnh vực thủy sản.

Trương Thị Thuý Bình (2015), trong “*Giải pháp phát triển thương hiệu cho hàng thủy sản xuất, kinh doanh khẩu của Việt Nam*”,

Lê Bảo (2010), “*phát triển nuôi tôm bền vững ở các tỉnh duyên hải miền Trung*”

Ngoài ra còn có đề tài nghiên cứu “*Nâng cao chất lượng tăng trưởng ngành thủy sản Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Kim Phúc (2011),

Trong phát triển lĩnh vực thủy sản cho xuất khẩu có đề tài luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thị Thu Hương (2008) “*Phát triển ngành công nghiệp chế biến thủy sản theo định hướng xuất khẩu tại Đà Nẵng*”.

Trong vấn đề tác động của môi trường đến sự phát triển của ngành thủy sản có luận án của tác giả Nguyễn Thị Quỳnh Anh (2014) nói về “*Giải pháp kinh tế và quản lý môi trường cho phát triển nuôi trồng thủy sản các huyện phía Nam thành phố Hà Nội*”

Kiều Thị Huyền và các cộng sự, Trường đại học Nông Lâm Huế: trong nghiên cứu “*Đánh giá thực trạng đầu tư cho ngành thủy sản giai đoạn 2006 – 2012 và đề xuất chính sách đầu tư phát triển ngành thủy sản của tỉnh Bình Định đến năm 2020*”

Về năng lực cạnh tranh của ngành thủy sản Việt Nam có đề tài luận án của tác giả Bùi Đức Tuấn (2010), “*Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành chế biến thủy sản Việt Nam*”.

### 1.2. Các nghiên cứu liên quan đến chuỗi giá trị trong lĩnh vực thủy sản

Nguyễn Thị Thuý Vinh, Trần Hữu Cường, Dương Văn Hiếu (2013) trong “*Một số vấn đề lý luận về phân tích chuỗi giá trị thủy sản*”, Tạp chí Khoa học và Phát triển 2013, tập 11, số 1;

Liên quan đến liên kết giá trị trên một loại thủy sản nhất định có đề tài của Phùng Giang Hải (2015), luận án tiến sĩ với đề tài bàn về “*Liên kết trong sản xuất và chế biến tôm thương phẩm ở tỉnh Cà Mau*”.

Võ Thị Thanh Lộc (2006), luận án tiến sĩ với đề tài “*Quản lý chất lượng chuỗi cung thực phẩm hải sản: cải tiến chất lượng chuỗi cung tôm – triển vọng của các công ty thủy sản ở đồng bằng sông cửu Long, Việt Nam*”.

Về phân tích chuỗi giá trị có luận án tiến sĩ của Nguyễn Thị Thúy Vinh (2014) với đề tài “*Phân tích chuỗi giá trị thủy sản của tỉnh Nghệ An*”

Luận án tiến sĩ của tác giả Lê Văn Thu (2015) “*Nghiên cứu chuỗi cung sản phẩm tôm nuôi ở tỉnh Quảng Nam*”

Nguyễn Thị Bạch Tuyết (2018) với đề tài “*Nâng cao giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng xuất khẩu hàng thủy sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*”

Tác giả TS. Lê Xuân Sinh và cộng sự (2011) với đề tài “*Phân tích giá trị tôm sú (Penaeus monodon) ở Đồng bằng sông Cửu Long*”. Đề tài phân tích trên cơ sở các yếu tố đầu vào, các tác nhân chính của chuỗi và các nhóm hỗ trợ chuỗi, nêu lên sự phân phối lợi ích - chi phí. Người nuôi góp phần lớn vào giá trị gia tăng và cũng được hưởng một tỷ lệ đáng kể trong giá trị gia tăng.

Mamunul Quader (2012), “*Value Chain Analysis Of Black Tiger Shrimp Culture In Cox'sbazar District, BangLaDesh*” Tác giả phân tích chuỗi giá trị của tôm sú trong của huyện Aôsbazar, BangLaDesh có bốn thành viên chính trực tiếp tham gia sản xuất, xuất khẩu tôm và đóng góp vào giá trị kinh tế. Tác giả phân tích sự phân bổ doanh thu, chi phí, giá trị gia tăng và lợi nhuận của các thành viên tham gia trong chuỗi.

Gudmundsson & cs. (2006), đã nghiên cứu “*Phân bổ thu nhập trong chuỗi giá trị thủy sản*” ở bốn nước Iceland, Tanzania, Moroccan, Đan Mạch đại diện bốn loại thủy sản khác nhau cho các nước phát triển và các nước đang phát triển.

Rodrigo R. Frei và cộng sự (2009) nghiên cứu “*phân tích chuỗi sản xuất, kinh doanh nuôi tôm biển ở miền Nam Brazil*”

### **1.3. Các nghiên cứu liên quan đến tín dụng truyền thống và theo chuỗi giá trị nông – lâm – ngư nghiệp.**

Luận án tiến sĩ của Nguyễn Thị Hải Yến (2016) “*Tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk*”

Luận án tiến sĩ của Nguyễn Ngọc Tuấn, 2012 “*Nghiên cứu giải pháp tín dụng của ngân hàng No & PT nông thôn tỉnh Đắk Nông đối với hộ sản xuất, kinh doanh cà phê*”

Ngoài ra nói về cho vay hộ nông dân còn có luận văn thạc sĩ của Lê Đức Công (2014) “*Nghiên cứu các phương thức cho vay phù hợp với hộ nông dân tại chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Lương Tài – tỉnh Bắc Ninh*”

Thông qua việc sử dụng mô hình hồi quy OLS và mô hình Logit Trần Ái Kết (2009), tạp chí khoa học – Đại học Cần Thơ “*Các yếu tố ảnh hưởng tới tiếp cận tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại của hộ gia đình trên địa bàn thành phố Cần Thơ*”

Bàn về vấn đề chất lượng của nguồn vốn tín dụng cho phát triển nông nghiệp nông thôn còn có luận án tiến sỹ của Nguyễn Văn Thanh (2015) nói về “*Chất lượng tín dụng hộ sản xuất tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam*”. Nguyễn Thị Như Thủy (2015) “*Hiệu quả tín dụng của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam*”

Đánh giá về “*Giải pháp tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế trang trại ở Việt Nam*” Tạ Thị Lệ Yên (2003). Trong khi đó, nghiên cứu của Nguyễn Quốc Oánh (2012) “*Khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ nông dân: trường hợp nghiên cứu ở cùng cận ngoại thành Hà Nội*”.

Ngoài ra liên quan đến Giải pháp, chính sách có Luận án của Nguyễn Mạnh Hùng (2008) nghiên cứu về “*Chính sách tín dụng của NHNo & PTNT Việt Nam đối với phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn khu vực Tây Nguyên*”.

Nhóm tác giả Nguyễn Văn Phận, Nguyễn Khắc Minh và Lê Phan Thanh Hòa (2017) có bài viết “*Bàn về vai trò của tín dụng ngân hàng trong phát triển chuỗi giá trị nông sản tại Việt Nam*”.

Hai tác giả Phạm Xuân Hòe và Nguyễn Thị Minh Hằng (2014) đã thực hiện “*Sổ tay hướng dẫn cho vay theo chuỗi giá trị*”.

Carlos và Pagura (2016) “*Agricultural value chain finance: A guide for bankers*”. Bàn về cơ sở lý luận về tín dụng theo chuỗi giá trị ngành nông nghiệp có nghiên cứu của nhóm tác giả Miller và Jones (2010) “*Agricultural Value Chain Finance Tools and Lessons*”.

Một trong những nghiên cứu nổi bật không thể nhắc đến là của tác giả Kopparthi và Alice (2016) với bài viết “*Impact of agricultural value chain financing on smallholder farmer’s livelihoods in Rwanda case study: Rwanda rice value chain*”.

Musuva, Lewa, Achoki và Luciani (2016) tại Kê-ni-a với đề tài “*Value chain risk analysis for small holder tea farmers in Kiambu county –Kenya*”.

Middelberg (2017) thực hiện nghiên cứu “*Value chain financing: evidence from Zambia on smallholder access to finance for mechanization*”.

#### **1.4. Các nghiên cứu liên quan đến phát triển chuỗi giá trị cho sản xuất, kinh doanh thủy sản tỉnh Quảng Ninh**

Tác giả Minh Kỳ (2014), trong bài viết “*Quảng Ninh: Hiệu quả từ các mô hình nuôi trồng thủy sản ở Quảng Ninh*”, Tạp chí cộng sản cho biết:

*Triển khai nuôi tôm theo mô hình VietGap*

*“Nuôi thương phẩm tôm chân trắng theo VietGap”.*

Về lĩnh vực nông sản có mô hình liên kết “*Quảng Ninh Liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản*” cho thấy việc nông dân liên kết, hợp tác với DN để sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đã giải được bài toán khó cho cả hai bên, trong đó đối với DN là vấn đề nhân lực, tư liệu SX, chi phí đầu vào... còn đối với nông dân là đầu ra cho sản phẩm. Bài viết của tác giả Hoa Việt (2017), *tạp chí nông nghiệp Việt Nam số ra ngày 30/11/2017*.

#### **1.5. Khoảng trống khoa học cần tiếp tục nghiên cứu:**

- *Về cơ sở lý luận của phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị*
- *Về phát triển chuỗi giá trị thủy sản của Quảng Ninh trong thời gian tới*

Quảng Ninh là một trong những tỉnh có tiềm năng lớn cho phát triển nuôi trồng thủy sản. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp, chuỗi giá trị thủy sản đã góp phần xoá đói giảm nghèo cho nhiều hộ ngư dân. Tuy vậy, so với tiềm năng, lợi thế, sự đóng góp của ngành thủy sản vào sự phát triển chung của tỉnh còn thấp.

## CHƯƠNG 2

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG THEO CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN

#### 2.1. Cơ sở lý luận về phát triển tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị

Phát triển tín dụng tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị cũng là phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh thủy sản. Ở phạm vi nghiên cứu của luận án này chủ thể nghiên cứu của tác giả là chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản (chuỗi giá trị ngành thủy sản) mà đối tượng tác động vào chủ thể là phát triển nguồn vốn tín dụng cho chuỗi giá trị này.

##### 2.1.1. Sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị

###### 2.1.1.1. Khái niệm sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị

- *Khái niệm sản xuất thủy sản*: Là một quá trình của sự kết hợp các nguyên liệu đầu vào của tất cả các loại thủy hải sản (tự nhiên và/hoặc nuôi trồng) gồm vật chất và phi vật chất khác nhau để tạo ra sản phẩm là thành phẩm các mặt hàng thủy sản có giá trị sử dụng và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- *Khái niệm kinh doanh thủy sản*: kinh doanh thủy sản là hoạt động kinh tế của cá nhân, hộ gia đình hoặc tổ chức thực hiện nhu cầu kết nối từ thu mua hàng thủy hải sản từ các đơn vị cung cấp, chế biến đến tay người tiêu dùng cuối cùng nhằm mục đích thu lợi nhuận.

###### 2.1.1.2. Đặc điểm của chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản:

- *Mục đích của chuỗi giá trị thủy sản*:

- Hạn chế tính phức tạp trong quá trình trao đổi, cụ thể: đảm bảo nguồn cung, giá bán và thuận lợi trong tìm kiếm đối tác

- Ổn định chất lượng sản phẩm và khẳng định vị thế của sản phẩm không chỉ trong nước mà trên toàn thế giới.

- Nâng cao trình độ chuyên môn, công nghệ

- Nâng cao tính cạnh tranh thông qua việc chia sẻ thông tin và hạn chế cạnh tranh không lành mạnh.

- *Đặc điểm của chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản*.

- Chuỗi giá trị bị ảnh hưởng bởi các đặc tính của sản phẩm thủy sản. Sản phẩm thủy sản có đặc thù như tính mùa vụ, mau hỏng, chất lượng không đồng nhất, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm. Những vấn đề trong tổ chức, hoạt động và hiệu suất của chuỗi, từ đó ảnh hưởng tới đặc điểm của chuỗi.

- Khâu sản xuất giống và nuôi trồng đóng vai trò chủ chốt trong chuỗi với sự tham gia của hộ nông dân, hợp tác xã, công ty. Chất lượng của nguyên liệu đầu vào đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của chuỗi giá trị. Giống đạt tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm và đủ số lượng là cơ sở để sản xuất tốt..

- Giá bán hàng thủy sản ổn định hơn. Các hộ sản xuất nhỏ, thành phần chính trong sản xuất thủy sản, thường nuôi trồng trên chính cơ sở của mình. Giá bán thường phụ thuộc vào người bán là các đại lý thu gom. Chính vì sự thiếu thông tin về thủy sản do mình sản xuất ra, các hộ thủy dân thường bị ép bán với mức giá thấp.

#### *2.1.1.3. Điều kiện sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị:*

Việc sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở đất nước ta hiện nay, đang đứng trước cơ hội được hưởng những lợi ích từ quá trình hội nhập và toàn cầu hóa nhờ sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đặc biệt là những cơ hội to lớn trong việc tiếp cận Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, với sức mạnh lan tỏa của số hóa và công nghệ thông tin, mở ra cơ hội nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh trong chuỗi sản phẩm, tác động tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, làm thay đổi phương thức và lực lượng sản xuất của xã hội. Trong quá trình đó, sản phẩm nông nghiệp Việt Nam ngày càng có điều kiện thuận lợi hơn với việc nâng cao chất lượng, mở rộng thị trường xuất khẩu, cân bằng cán cân thương mại và tránh phụ thuộc quá mức vào một khu vực thị trường nhất định.

#### *2.1.1.4. Vai trò của sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị:*

Thực hiện liên kết sản xuất, kinh doanh là việc làm cần thiết đối với các hộ nông dân, doanh nghiệp. Hiện nay có hai hình thức liên kết bao gồm liên kết dọc (liên kết giữa các chủ thể theo đường đi của sản phẩm) và liên kết ngang (liên kết giữa những chủ thể cùng sản xuất một lĩnh vực). Dù với hình thức nào thì các chủ thể tham gia liên kết (đặc biệt là nông dân) đều đạt được những lợi ích thiết thực.

#### *2.1.1.5. Quy trình của sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị:*



Có thể thấy, trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, xây dựng và phát triển chuỗi giá trị thủy sản là xu hướng tất yếu, là nhân tố quan trọng thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, giúp ngành thủy sản tái cơ cấu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

### **2.1.2. Phát triển tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị**

#### **2.1.2.1. Khái niệm tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị**

- **Khái niệm tín dụng:**

Là khái niệm thể hiện mối quan hệ giữa người cho vay và người vay. Trong quan hệ này, người cho vay có nhiệm vụ chuyển giao quyền sử dụng tiền hoặc hàng hoá cho vay cho người đi vay trong một thời gian nhất định. Người đi vay có nghĩa vụ trả số tiền hoặc giá trị hàng hoá đã vay khi đến hạn trả nợ có kèm hoặc không kèm theo một khoản lãi.

#### **2.1.2.2. Các hình thức tín dụng cho sản xuất kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị**

- **Cho vay:**

Là hình thức tín dụng chủ yếu mà các ngân hàng thực hiện đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị, tác giả lựa chọn cho vay là hình thức cấp tín dụng chính trong đề tài nghiên cứu của mình về cho vay sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị.

#### **2.1.2.3. Cơ chế tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị**

- *Nguồn vốn cho vay:*
- *Mức vốn cho vay*
- *Phương thức cho vay*
- *Cơ chế bảo đảm tiền vay*
- *Lãi suất cho vay:*
- *Thời hạn cho vay*
- *Cơ cấu lại thời hạn nợ và cho vay mới*

#### **2.1.2.4. Quy trình tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị**

- *Bước 1: trước khi cho vay:*
- *Bước 2: trong khi cho vay*
- *Bước 3: sau khi cho vay:*

### **2.1.3. Phát triển hoạt động tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị**

#### **2.1.3.1. Khái niệm**

*Trong luận án này, nguồn vốn tín dụng mà tác giả đề cập là nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng. Tín dụng ngân hàng theo chuỗi giá trị đối với ngành thủy sản được hiểu là tín dụng theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản hay nói cách khác là tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị. Mà nòng cốt của sự phát triển tín dụng không những gia tăng nguồn vốn cho vay mà ở đây hoàn thiện tính pháp lý cho hoạt động tín dụng theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản dựa trên các bên tham gia trong chuỗi giá trị đặc biệt là yếu tố tác động từ phía các cơ quan nhà nước nhằm bảo đảm lợi ích kinh tế giữa các bên tham gia theo chuỗi, duy trì sự ổn định, phát triển chuỗi*

*2.1.3.2. Các tiêu chí đánh giá phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản*

*2.1.3.3. Vai trò của phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản:*

- Đối với lưu chuyển hàng hóa
- Đối với lưu chuyển tiền tệ

*2.1.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị*

- Khả năng phát triển
- Khả năng sinh lời:

***2.1.4. Kinh nghiệm và bài học phát triển tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị của một số địa phương có điều kiện tương tự tỉnh Quảng Ninh tại Việt Nam.***

*2.1.4.1. Kinh nghiệm triển khai tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị tại một số địa phương của Việt Nam.*

*2.1.4.2. Bài học về phát triển tín dụng cho sản xuất kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị.*

- *Sự hỗ trợ của Chính phủ, các đơn vị hỗ trợ*
- *Nâng cao hiểu biết về tín dụng theo chuỗi giá trị cho cán bộ ngân hàng và khách hàng.*
- *Công tác triển khai tín dụng theo chuỗi giá trị SXKD thủy sản.*

### CHƯƠNG 3

## THỰC TRẠNG TÍN DỤNG CHO SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

### **3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

#### *3.1.1. Điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh*

#### *3.1.2. Hoạt động sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2014-2018*

### **3.2. Thực trạng tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

#### *3.2.1. Nhu cầu tín dụng của khách hàng sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn Quảng Ninh*

#### *3.2.2. Quy trình tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản tại Quảng Ninh*

Bước 1: thu thập thông tin sơ bộ khách hàng qua các cách trao đổi thông tin trực tiếp hoặc gián tiếp.

Bước 2: thẩm định khách hàng từ các hồ sơ: hồ sơ pháp lý, cùng các hồ sơ dự án (đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, xây dựng); hồ sơ tài sản bảo đảm; hồ sơ tài chính; hồ sơ khoản vay là các hợp đồng kinh tế đầu vào, đầu ra, phương án sản xuất kinh doanh.

Bước 3: kiểm tra trong khi cho vay: tiến hành các thủ tục nhập kho TSBĐ và giải ngân cho khách hàng.

Bước 4: kiểm tra sau khi cho vay: yêu cầu khách hàng chứng minh việc sử dụng khoản vay theo đúng mục đích như cam kết bằng cách kiểm tra dòng tiền, hàng hóa nguyên liệu nhập kho thể hiện qua các chứng từ ngân hàng/khách hàng thanh toán hợp đồng đầu vào và căn cứ phiếu nhập kho, kiểm tra hàng hóa thực tế đã nhập kho.

Bước 5: thu hồi nợ gốc và/hoặc lãi theo lịch trả nợ như đã cam kết trong HĐTD, tất toán khoản vay theo quy định, giải chấp TSBĐ.

### **3.3. Khả năng áp dụng mô hình tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

Mô hình chuỗi liên kết giá trị giữa người sản xuất và doanh nghiệp trong ngành thủy sản đã được thực hiện chủ yếu theo liên kết dọc các chủ thể chính liên kết với nhau chặt chẽ nhất là người sản xuất (các hộ khai thác và nuôi trồng) và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu. Bên cạnh đó còn có các đại lý trung gian trong việc đưa thủy sản từ các hộ sản xuất đến với doanh nghiệp và thị trường, trong một số trường hợp trung gian này còn có thể cung cấp các yếu tố đầu vào cho người nuôi (tín dụng, giống, thức ăn, hóa chất).

Phát triển cho vay theo chuỗi giá trị SXKD thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có khả năng tạo ra cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính của khu vực nông thôn, nhất là đối với các hộ sản xuất nhỏ, vốn là những mắt xích tham gia những chuỗi sản xuất lớn. Đây là hình mô hình cho vay được đánh giá là khá thuận lợi với 1 tinh hội tụ đầy đủ các điều kiện để thực hiện mô hình, tạo lợi ích kinh tế cho tất cả các mắt xích tham gia. Từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, địa phương và đặc biệt sẵn có tiềm năng của địa phương, rút ra bài học, kinh nghiệm hạn chế từ các chính sách cho vay tuyên thông nên việc áp dụng mô hình cho vay mới là hoàn toàn phù hợp.

Mặt khác chuỗi giá trị thủy sản có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong phát triển sản xuất, kinh doanh thủy sản bền vững, có hiệu quả cao, nhất là tỉnh Quảng Ninh đang hội nhập ngày càng sâu rộng với các nước trong khu vực và quốc tế, sản phẩm thủy sản chủ yếu là xuất khẩu. Do vậy, cần phải thực hiện liên kết giữa các bên đủ năng lực đưa sản phẩm thủy sản của Quảng Ninh đủ mạnh để cạnh tranh khu vực trong nước và quốc tế. Doanh nghiệp là lực lượng nòng cốt trên cơ sở liên kết với các hộ nông dân. Tuy nhiên, để làm được điều này phải có nhiều chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp về năng lực tổ chức chuỗi giá trị, đặc biệt là hỗ trợ về vốn, theo đó cần tập trung phát huy vai trò của tín dụng ngân hàng.

### ***3.3.3. Đánh giá khả năng áp dụng mô hình tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.***

Quảng Ninh cũng đã quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, phát triển các đối tượng nuôi chủ lực có giá trị kinh tế như: tôm chân trắng, cá rô phi, tu hài, hầu Thái Bình Dương, cá song, cua biển. Bên cạnh đó, xác định doanh nghiệp chính là yếu tố dẫn dắt, đưa chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp đi đến thành công.

## CHƯƠNG 4

### GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG CHO SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

Chuỗi giá trị thủy sản có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong phát triển sản xuất, kinh doanh thủy sản bền vững, có hiệu quả cao, nhất là nước ta đang hội nhập ngày càng sâu rộng với quốc tế, sản phẩm thủy sản chủ yếu là xuất khẩu. Do vậy, cần phải thực hiện liên kết giữa các bên đủ năng lực đưa sản phẩm thủy sản của Việt Nam ra thị trường quốc tế. Việc phát triển thủy sản và các chính sách khuyến khích phát triển chuỗi liên kết thủy sản sao cho phù hợp với xu thế hội nhập thị trường, hội nhập quốc tế và hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu nhằm nâng cao tính cạnh tranh của thủy sản Việt Nam là vấn đề cần được quan tâm giải quyết.

Khi dòng vốn tín dụng cho lĩnh vực thủy sản được đáp ứng đầy đủ, kịp thời sẽ góp phần gia tăng đầu tư cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật, tăng sản lượng giảm thiểu rủi ro, tạo ra các sản phẩm thủy sản có chất lượng cao. Từ đó sẽ gắn kết được các chủ thể tham gia ký kết chuỗi liên kết bao gồm: nhà nông, nhà nước, doanh nghiệp và ngân hàng. Như vậy khi tham gia vào chuỗi liên kết thủy sản sẽ có tiếng nói chung của các thành viên để nâng giá trị thủy sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập Quốc tế.

Với những điều kiện tự nhiên sẵn có cộng với việc đúc rút kinh nghiệm đã từng triển khai mô hình này ở một số địa phương của nước ta và kinh nghiệm rút ra từ quá trình cho vay truyền thống với ngành thủy sản Quảng Ninh. Sự phát triển của ngành thủy sản Quảng Ninh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và để chủ động về giá cả, giảm thiểu chi phí và tăng lợi nhuận, các doanh nghiệp thủy sản cần xây dựng và quản trị chuỗi giá trị cung ứng hiệu quả. Với mục đích đề xuất hệ thống giải pháp thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh tế về phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh rút ra từ khó khăn, vướng mắc khi thí điểm đưa mô hình phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị thủy sản Quảng Ninh vào nghiên cứu.

**4.1. Quan điểm và định hướng về phát triển tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị của tỉnh Quảng Ninh**

**4.2. Giải pháp phát triển tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.**

Qua quá trình nghiên cứu, điều tra, khảo sát, từ mô hình tín dụng cho sản xuất, kinh doanh thủy sản truyền thống và mô hình cho vay theo chuỗi giá trị đã thực hiện một số địa phương và áp dụng kết quả theo mô hình số đông ta có thể đưa ra một số giải pháp như sau:

#### **4.2.1. Giải pháp từ chính sách phát triển thủy sản sản tại địa phương**

4.2.1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền về phát triển kinh tế thủy sản; Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý Nhà nước về thủy sản trên địa bàn tỉnh.

4.2.1.2. Xây dựng và bổ sung hệ thống cơ chế chính sách thu hút mọi nguồn lực để phát triển kinh tế thủy sản.

4.2.1.3. Thúc đẩy phát triển thị trường tạo động lực thúc đẩy phát triển.

4.2.1.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế thủy sản

#### **4.2.2. Giải pháp từ cơ chế chính sách của Nhà nước**

4.2.2.1. Đưa ra khung khổ pháp lý rõ ràng cho hoạt động tín dụng cho phát triển thủy sản

4.2.2.2. Xây dựng khung pháp lý về hợp đồng kinh tế dân sự có chế tài xử lý cụ thể chủ thể tham gia trong chuỗi giá trị thủy sản để từ đó ràng buộc nghĩa vụ, trách nhiệm của các thành viên trong chuỗi giá trị trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc: tự nguyện; bình đẳng, công khai, minh bạch về lợi ích của các bên tham gia; chịu trách nhiệm với những cam kết của mình với các thành viên trong chuỗi; và hợp tác, tương hỗ lẫn nhau trong quá trình xử lý những rủi ro biến động lớn đối với sản xuất.

4.2.2.3. Chính phủ cùng địa phương có quy hoạch vùng sản xuất/quy hoạch dự án nuôi trồng nông nghiệp để định hướng sản xuất phù hợp với chủ trương tái cơ cấu ngành nông – lâm - ngư nghiệp theo hướng bền vững.

4.2.2.4. Tạo cơ chế phối hợp đồng bộ, giữa các doanh nghiệp, chính quyền địa phương nhằm tìm ra giải pháp thích hợp nhất khi có rủi ro khách quan đến khách hàng

4.2.2.5. Các viện nghiên cứu và các tổ chức xã hội nghề nghiệp cũng cần thực hiện vai trò kiến tạo và hỗ trợ triển khai phát triển hình thức cho vay theo chuỗi giá trị

4.2.2.6. Phát triển và nhân rộng, tạo điều kiện về nguồn vốn tối đa cho các DN áp dụng khoa học công nghệ cao trong sản xuất thủy sản.

4.2.2.7. Nhà nước cần có dự báo chiến lược sản xuất các sản phẩm thủy sản để có biện pháp đồng bộ từ tổ chức thủy dân sản xuất đến việc tạo thị trường.

4.2.2.8. Nhà nước cần điều chỉnh lại một số chính sách liên kết liên quan đến doanh nghiệp sẽ thực hiện thành công chuỗi giá trị

#### **4.2.3. Giải pháp từ phía Ngân hàng cho vay vốn tín dụng (định chế tài chính)**

4.2.3.1. Xây dựng chính sách tín dụng theo chuỗi giá trị SXKD thủy sản phù hợp

4.2.3.2. Tăng trưởng số lượng khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức:

4.2.3.3. Mua bảo hiểm khoản vay, bảo hiểm TSBD, có cơ chế đặc thù khi nhận và định giá TSBD.

4.2.3.4. Đề xuất tăng thời gian vay vốn với những khoản vay ngắn hạn và linh hoạt trong thanh toán nợ gốc, lãi và cần ưu tiên nâng hạn mức cho vay với các khách hàng là doanh nghiệp truyền thống như các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu có uy tín trong việc vay, trả nợ với các tổ chức tín dụng.

4.2.3.5. Không ngừng đổi mới hoạt động cho vay, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ phù hợp với đặc điểm vùng miền, đặc thù từng ngành nghề, khách hàng, phù hợp với từng mô hình hợp tác, liên kết khác nhau ở mỗi địa phương, mỗi lĩnh vực sản xuất. Cải tiến sản phẩm theo hướng giảm thiểu thủ tục, tiếp cận nguồn vốn tín dụng thuận tiện, nhằm giúp các doanh nghiệp, hộ thủy sản phát triển sản xuất kinh doanh. Đồng thời, ngân hàng liên kết với các tổ chức chuyên môn khác cùng hỗ trợ tư vấn chuyên môn về quản lý và điều hành các nguồn vốn, tập huấn kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên các quỹ phát triển HTX, các HTX thực hiện hoạt động cung cấp tín dụng nội bộ.

4.2.3.6. Các ngân hàng trên cơ sở nắm bắt được cơ hội và rủi ro trong thủy sản, các phân tích và dự báo về từng thời kỳ cụ thể để lựa chọn cho vay theo các công đoạn, các khâu trong chuỗi giá trị. Chẳng hạn, ngân hàng có thể cho vay trước thu hoạch (cho vay người cung ứng nguyên liệu đầu vào hoặc cho người thủy dân trực tiếp vay) hay cho thế chấp bằng hàng hóa, động sản hoặc có thể dưới hình thức tài trợ thương mại.

4.2.3.7. Ngân hàng nên phân nhóm đối tượng cho vay và lựa chọn các đối tượng và mức xích quan trọng, phù hợp nhất để cho vay. Cho vay chỉ thực sự có ý nghĩa khi mang lại lợi ích cho cả bên cho vay và người được vay.

4.2.3.8. Cần có quy hoạch từng nhóm ngành, từng vùng sản xuất cụ thể, có sự liên kết từ đầu vào tới đầu ra, làm cơ sở cho phát triển tín dụng ngân hàng một cách phù hợp hơn, bền vững hơn. Chính sách xử lý nợ cần quy định rõ ràng hơn trong việc xác định đâu là rủi ro bất khả kháng để có hướng xử lý các khoản nợ nhanh chóng và tối ưu.

4.2.3.9. Nâng cao khả năng tiếp cận vốn của khách hàng, trong đó giảm điều kiện về thế chấp và tăng khả năng tín chấp. Ngân hàng nên xem xét có chính sách cho vay ưu đãi đối với tài sản bảo đảm là các sản phẩm được hình thành trong vốn vay ngắn hạn theo chu kỳ sản xuất. Chính sách cho vay này cần tạo sự gắn kết giữa các bên, đồng thời giúp ngân hàng thu hồi nợ đúng hạn.

4.2.3.10. Ngân hàng nên chủ động nắm giữ, phối hợp với các tổ, nhóm nông dân đại diện để cho vay trên cơ sở nhà nước lập quỹ hỗ trợ đặc biệt cho nông dân Giảm thiểu rủi ro đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, Đồng thời, cần đơn giản hóa thủ tục để nông dân trong các tổ nhóm có bảo lãnh trực tiếp mở tài khoản nhận vốn vay, thanh toán gốc và lãi, gửi tiền tại ngân hàng. Đây là cơ sở để thu hút sự tham gia mạnh mẽ của các TCTD.

4.2.3.11. Các định chế tài chính nên xây dựng một trung tâm quản lý các thông tin tín dụng riêng về lĩnh vực cho vay nông-lâm-ngư nghiệp, chuyên phục vụ và cung cấp thông tin, quản lý rủi ro, cảnh báo sớm những khoản vay có nguy cơ nhảy nhóm nợ, mất vốn...

4.2.3.12. Tăng cường học tập, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau giữa các NHTM, với các tổ chức thành viên của Hiệp hội tín dụng nông nghiệp và nông thôn Châu Á - Thái Bình Dương (APRACA), một số ngân hàng trên thế giới để thông qua đó học tập được nhiều bài học bổ ích để áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn nước ta.

4.2.3.13. Nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ quản lý và cán bộ Ngân hàng

#### **4.2.4. Giải pháp từ phía khách hàng vay vốn**

4.2.4.1. Lựa chọn và phối hợp với chủ thể đại diện trong chuỗi giá trị ngành thủy sản

4.2.4.2. Có cam kết với ngân hàng, doanh nghiệp chế biến thủy sản cần minh bạch trong việc cung cấp các thông tin thị trường và yêu cầu chất lượng sản phẩm của khách hàng cho người sản xuất nuôi trồng thủy sản để tổ chức sản xuất ra sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường và khách hàng, góp phần đảm bảo chuỗi liên kết thủy sản phát triển ổn định, bền vững. Bên cạnh đó, cần tăng cường vai trò hiệp hội ngành trong công tác hỗ trợ chế biến, cân đối nguồn nguyên liệu, bảo quản và điều tiết giá thị trường. Tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gây thiệt hại cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cùng loại trên thị trường.

4.2.4.3. Giải pháp phát triển đào tạo nguồn nhân lực hoạt động trong ngành thủy sản

### **4.3. Kiến nghị**

#### **4.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ và các Bộ, Ngành**



*Quy định về bảo hiểm trong sản xuất và nuôi trồng ngành thủy sản:* cần có cơ chế bảo hiểm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và ngành thủy sản nói riêng theo hướng cởi mở và dễ tiếp cận hơn. Năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 315/2011/QĐ-TTg về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp. Nhà nước cần xây dựng quy trình về chính sách, đối tượng, hệ thống giá bảo hiểm hợp lý theo hướng thiết kế chính sách, khung giá cần phù hợp với từng đối tượng, vùng miền. Đồng thời, Nhà nước cần xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp có tiềm lực tham gia lĩnh vực này chứ không chỉ các công ty bảo hiểm.

#### **4.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng nhà nước**

Ban hành cơ chế, quy chế hướng dẫn NHTM trong việc triển khai tín dụng theo chuỗi giá trị ngành thủy sản trong mô hình thí điểm quy trình cho vay theo chuỗi giá trị giai đoạn 2014 – 2018, ngân hàng thực hiện giải ngân cho nông dân trong chuỗi qua doanh nghiệp đầu mối. Để tham gia vào mô hình tín dụng ngân hàng theo chuỗi giá trị ngành thủy sản, hộ nông dân thỏa mãn các điều kiện chặt chẽ như: Cung cấp và xác nhận những thông tin chính xác, trung thực về kinh nghiệm, năng lực sản xuất; có năng lực thực hiện nội dung kiểm soát an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; sử dụng toàn bộ vật tư (thức ăn, thuốc thủy sản) do doanh nghiệp đầu mối kiểm tra, cung ứng ngay từ đầu vụ thả nuôi; đảm bảo giống tốt để thực hiện truy xuất nguồn gốc sau này. Hộ nông dân ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng với mục đích vay vốn lưu động phục vụ việc nuôi trồng thủy sản.

#### **4.3.3. Kiến nghị đối với tỉnh Quảng Ninh**

UBND tỉnh Quảng Ninh chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đặc biệt là Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, ... có kế hoạch đảm bảo đủ nguồn vốn dành cho ngành thủy sản tỉnh theo các chương trình dự án đầu tư đã đề xuất.

Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tiến hành xây dựng kế hoạch, quy hoạch chi tiết của địa phương cho phù hợp với quy hoạch tổng thể ngành thủy sản của tỉnh.

Đề nghị cho triển khai các chương trình và dự án ưu tiên nhằm tạo ra sự đột phá trong phát triển ngành thủy sản trong thời gian tới. Trước mắt tập trung vào các dự án sản xuất giống (năng suất cao, chất lượng cao); đào tạo phát triển nguồn nhân lực; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất hàng hóa tập trung và dịch vụ hỗ trợ phát triển thủy sản.

Tỉnh cho tập trung, chỉ đạo các sở liên quan đầu tư phát triển khoa học công nghệ vào ngành thủy sản tỉnh Quảng Ninh, thông qua các hoạt động khoa học công nghệ, tạo ra bước phát triển đột phá để phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; giải quyết được vấn đề bức xúc ngành thủy sản đang gặp hiện nay. xây dựng chính sách thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm thủy sản từ khâu đầu tiên đến khâu cuối cùng của chuỗi.

Chủ động làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành Trung ương để kêu gọi đầu tư, hỗ trợ cho phát triển thủy sản ở Quảng Ninh, nhất là các dự án đầu tư, nguồn tín dụng ưu đãi,... nhằm góp phần thực hiện tốt các dự án, đề án. Phối hợp chặt chẽ với NHNN tỉnh Quảng Ninh ban hành các hướng dẫn cũng như biện pháp hữu hiệu thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị ngành thủy sản của tỉnh phù hợp với các định hướng của chính phủ, bộ ngành.

***Kiến nghị đối với Sở NN&PT nông thôn tỉnh Quảng Ninh:***

- Thành lập hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Quảng Ninh
- Hoàn thiện cơ chế quản lý của ngành sao cho linh hoạt và hiệu quả, giảm thiểu các thủ tục hành chính, hỗ trợ các thủ tục về đất đai, con giống, nguồn nước...
- Hoàn thiện công tác quy hoạch vùng nuôi trồng, chế biến thủy sản
- Thực hiện quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm và tiếp cận hệ thống chứng chỉ quốc tế. Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát lại toàn bộ các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm thủy sản và xây dựng lại theo đúng quy chuẩn quốc tế...

## KẾT LUẬN

Phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 đã cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, định hướng, phát triển cụ thể cho từng lĩnh vực như: khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá đến năm 2020, định hướng 2025, phù hợp với Quy hoạch và Đề án phát triển thủy sản của cả nước chung và mục tiêu phát triển KT-XH tỉnh Quảng Ninh và Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 6/5/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh về phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Các giải pháp được lựa chọn dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn quản lý phát triển ngành thủy sản qua các năm đổi mới và phát triển thông qua việc phân tích những thuận lợi, khó khăn, và nguyên nhân của những tồn tại khó khăn từ đó đưa ra các giải pháp có tính khả thi cao, khắc phục được những hạn chế, tồn tại trong quá khứ, hướng ngành thủy sản phát triển bền vững trong giai đoạn thực hiện Quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Phát triển thủy sản bền vững không chỉ là thực hiện đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ mà còn tạo lợi nhuận an toàn cho ngân hàng, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh, quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Phát huy tốt hơn nữa vai trò của tín dụng ngân hàng đối với phát triển chuỗi giá trị sản xuất thủy sản là một trong những nền tảng góp phần thực hiện thắng lợi chiến lược tam thủy thành công.



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ**  
**LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thành Long, 2016. *Phát triển cho vay xuất khẩu của Nhà nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế - những vấn đề đặt ra*. Tạp chí Công thương, số II, tháng 2 năm 2016, trang 98.
2. Nguyễn Thành Long, 2016. *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tại Ngân hàng phát triển*. Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương, số 466, tháng 3 năm 2016, trang 23.
3. Nguyễn Cảnh Hiệp – Nguyễn Thành Long, 2018. *Nâng cao năng lực cạnh tranh ngành thủy sản từ nguồn vốn tín dụng trong bối cảnh tham gia CPTTP*. Tạp chí Thị trường tài chính – tiền tệ, số 17 (506), tháng 8 năm 2018, trang 18.
4. Nguyễn Cảnh Hiệp – Nguyễn Thành Long, 2018. *Mở rộng hoạt động cho vay đối với mô hình liên kết sản xuất thủy sản trong giai đoạn hiện nay*. Tạp chí Ngân hàng, số 17, tháng 9 năm 2018, trang 44.
5. Nguyễn Thành Long - Nguyễn Cảnh Hiệp, 2018. *Nghiên cứu mở rộng cho vay phát triển ngành thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng*. Tạp chí Hỗ trợ phát triển, số 153, tháng 10 năm 2019, trang 14.